TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 179/2021/DS-ST
Ngày: 23-9-2021.
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng mua bán tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Trương Nguơn.
2. Ông Võ Hồng Vinh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp *"Hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Hiếu L, sinh năm 1958.
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Đỗ Thị S, sinh năm 1957.
Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Võ Văn H, sinh năm 1968.
Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1970.
Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
(Chị N, bà C có mặt; ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đỗ Hiếu L và Đỗ Thị S, chị Đỗ Thị Thu N trình bày:***

Năm 2016 và 2017, ông Võ Văn H và bà Trần Thị Mỹ C mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S; hiện nay ông H và bà C còn nợ ông L và bà S 44.880.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị N (đại diện của ông L và bà S) yêu cầu ông H và bà C liên đới trả cho ông L và bà S 44.880.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật; không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị Mỹ C trình bày:***

Năm 2016 và năm 2017, bà C và chồng bà là ông Võ Văn H có mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông L và bà S, hiện nay còn nợ ông L và bà S 44.880.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà C đồng ý trả cho ông L và bà S 44.880.000 đồng vào ngày 29/10/2021 âm lịch (tức ngày 03/12/2021 dương lịch). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn ông Võ Văn H vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.***

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà S. Buộc ông H và bà C liên đới trả cho ông L và bà S 44.880.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Hợp đồng mua bán tài sản", nên áp dụng giải quyết theo các điều 430 và 440 Bộ luật dân sự.

[2] Xét thấy bị đơn ông Võ Văn H đã được tống đạt các văn bản tố tụng, giấy triệu tập dự phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật; nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Xét ông L và bà S yêu cầu ông H và bà C liên đới trả 44.880.000 đồng là có cơ sở. Bởi lẽ, bà C thừa nhận bà và chồng bà là ông H có mua thức ăn chăn nuôi gia súc tại Cửa hàng của ông L và bà S còn nợ 44.880.000 đồng. Trong các

lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, ông H vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ ông H đã từ bỏ quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Do đó ông L và bà S yêu cầu ông H và bà C có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 44.880.000 đồng là có cơ sở; nên chấp nhận.

- Về thời gian trả tiền: Ông L và bà S yêu cầu ông H và bà C liên đới trả 44.880.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật; bà C yêu cầu trả cho ông L và bà S 44.880.000 đồng vào ngày 29/10/2021 âm lịch (tức ngày 03/12/2021 dương lịch), nhưng chị N (đại diện của ông L, bà S) không đồng ý; nên không có cơ sở chấp nhận.

- Xét ông L và bà S không yêu cầu trả tiền lãi; nên không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà S. Buộc ông H và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L và bà S 44.880.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Ông H và bà C phải liên đơi chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 430, 440; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S.

- Buộc ông Võ Văn H và bà Trần Thị Mỹ C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đỗ Hiếu L và bà Đỗ Thị S số tiền 44.880.000 đồng *(Bốn mươi bốn triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng),* trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Ông H và bà C phải liên đới chịu 2.244.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông L và bà S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, nên không phải hoàn tiền lại.

Ông L, bà S, chị N (đại diện ủy quyền của ông L, bà S), bà C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H vắng mặt được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.